TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/DS-PT
Ngày: 27 - 7 - 2023
"V/v Tranh chấp xin chia thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Kim Châu

Ông Đặng Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về "*Tranh chấp xin chia thừa kế và chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất*"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 73/2022/DS - ST, ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2023/QĐPT - DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Trần Thị G, sinh 1948 *(vắng mặt);*

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị G: anh Nguyễn Hồng P, sinh 1974; địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2017) *(có mặt);*

2/ Bà Trần Thị K, sinh 1958 *(có đơn xin vắng mặt);*

3/ Ông Trần Văn C, sinh 1962 *(có mặt);*

4/ Ông Trần Văn Bé E, sinh 1966 *(có đơn xin vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5/ Ông Trần Văn N, sinh 1947 (chết ngày 02/11/2019);

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N:

1. Bà Lê Thị L, sinh 1951 *(có mặt);*

2. Anh Trần Văn K1, sinh 1967 *(vắng mặt);*

3. Chị Trần Thị H, sinh 1971 *(vắng mặt);*

4. Anh Trần Văn Q, sinh 1979 *(vắng mặt);*

5. Chị Trần Thị N1, sinh 1981 *(có mặt);*

6. Chị Trần Thị L1, sinh 1985 *(vắng mặt);*

7. Anh Trần Văn B, sinh 1987 *(vắng mặt);*

8. Chị Trần Thị Yến L2, sinh 1990 *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn C1, sinh 1969 *(có mặt);*

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1/ Bà Trần Thị T, sinh 1952 *(có đơn xin vắng mặt);*

Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/ Ông Trần Văn G1, sinh 1950 *(có mặt);* ;

Địa chỉ: ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo*: ông Trần Văn C1 là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2017 các đồng nguyên đơn Trần Thị G, Trần Thị K, Trần Văn C, Trần Văn Bé E, Trần Văn N có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:

Cụ ông Trần Văn B1, sinh 1924 (chết 15/3/2005) và cụ bà Phạm Thị H1, 1929 (chết 25/12/2014) chung sống với nhau có tất cả 08 người con:

1/ Trần Văn N, sinh 1947 (chết 02/11/2019) có vợ là bà Lê Thị L, sinh 1951 và 06 người con là anh Trần Văn K1, chị Trần Thị H, anh Trần Văn Q, sinh 1979, chị Trần Thị N1, chị Trần Thị L1, anh Trần Văn B, chị Trần Thị Yến L2.

2/ Trần Thị G, sinh 1948;

3/ Trần Văn G1, sinh 1950;

4/ Trần Thị T, sinh 1952;

5/ Trần Thị K, sinh 1959;

6/ Trần Văn C, sinh 1962;

7/ Trần Văn Bé E, sinh 1966;

8/ Trần Văn C1, sinh 1969;

Cụ Báo và cụ H1 qua đời để lại quyền sử dụng đất thuộc các thửa 277 diện tích 6.866m^2; loại đất lúa; thửa 321 diện tích 7.955m^2, loại đất ONT- CLN; cùng tờ bản đồ số 6; tọa lạc ấp Ông Y, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Khi cha, mẹ chết không lập di chúc để lại quyền sử dụng đất cho ai; hiện nay ông Trần Văn C1

đang quản lý, sử dụng

Nay Trần Thị G, Trần Thị K, Trần Văn C, Trần Văn Bé E, Trần Văn N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất mỗi người được hưởng 1.500m^2 nằm trong 02 thửa 277 và 321; cùng tờ bản đồ số 6; tọa lạc ấp Ông Y, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 17/11/2019 các nguyên đơn rút lại 01 phần đơn khởi kiện. Yêu cầu được chia thừa kế mỗi người được hưởng 1.201m^2 nằm ở phần C theo sơ đồ khu đất có tổng diện tích 4.805m^2. Ngoài ra không yêu cầu phần diện tích còn lại mà để lại cho ông Trần Văn C1 thờ cúng cha mẹ.

- Đối với nguyên đơn Trần Văn N (chết ngày 02/11/2019); những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho ông N gồm: bà Lê Thị L, anh Trần Văn K1, Trần Thị H, Trần Văn Q, Trần Thị N1, Trần Thị L1, Trần Văn B và chị Trần Thị Yến L2: có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của ông cụ Trần Văn B1, đối với phần di sản thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thửa 277 diện tích 6.866m^2 và thửa 321 diện tích 7.955m^2.

- ***Bị đơn Trần Văn C1***: vắng mặt không có ý kiến trình bày phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*** Bà Trần Thị T theo đơn yêu cầu độc lập và biên bản lấy lời khai trình bày như sau:

Cha là cụ ông Trần Văn B1, sinh 1924 (chết 15/3/2005); mẹ là cụ bà Phạm Thị H1 (chết 25/12/2014); cha mẹ có tất cả 08 người con. Nay cha, mẹ qua đời để lại quyền sử dụng đất thuộc các thửa 277 diện tích 6.866m^2; loại đất lúa; thửa 321 diện tích 7.955m^2, loại đất ONT- CLN; cùng tờ bản đồ số 6; tọa lạc ấp Ông Y, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Hiện nay ông Trần Văn C1 đang quản lý, sử dụng 02 thửa đất trên do cha là cụ ông Trần Văn B1 đứng tên quyền sử dụng đất. Ông C1 không có vợ con cho nên ông Trần Văn G2 xuống dựng chòi lá giữ ao để xả ao bắt cá tôm hàng ngày với ông C1; ông G1 không cho ông C1 đến Tòa án và xúi giục ông C1 không cho ông C1 chịu chia thừa kế đất của cha, mẹ để lại.

Nay bà Trần Thị T có yêu cầu độc lập, yêu cầu được hưởng diện tích 1.500m^2; nay bà T xin rút lại 01 phần và yêu cầu được hưởng phần diện tích 1.236m^2 theo quy định nằm ở phần D theo sơ đồ khu đất nằm 01 phần thửa 321, tờ bản đồ số 6; tọa lạc ấp Ông Y, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Trần Văn G1 trình bày:

Vào ngày 29/6/2011 ông G1 có mua 1.176m^2 của cụ bà Phạm Thị H1 (mẹ của ông) giá 18.000.000đ; Sau đó ông mua tiếp 01 công rưỡi nữa giá 12.000.000đ/01 công. Tổng cộng mua được 3.004m^2 theo đo đạt nằm ở phía sông là ao nuôi tôm. Nay ông Trần Văn G1 yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích đã mua là 3.004m^2 nằm 01 phần thửa 321, tờ bản đồ số 6; tọa lạc ấp Ông Y, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đối với phần chia thừa kế ông G1 chấp nhận theo ý kiến của mẹ là cụ bà Phạm Thị H1 cho ông Trần Văn C1 được hưởng theo di chúc. Còn được chia theo pháp luật ông yêu cầu được nhận để lo mồ mã cho cha, mẹ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 73/2022/DS-ST ngày 04/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã xử:

Áp dụng khoản 3, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 655 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 649, 650, 651 và khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu độc của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Công nhận cho ông Trần Văn C1 được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 1.481m^2 trên đất có căn nhà và cây trái hoa màu trên đất (thuộc phần E, nhằm chiết một phần thửa 321) và diện tích 3.032m^2 (thuộc phần B, trong đó 706m^2 chiết từ thửa 321 và 2.326m^2 chiết từ thửa 277); cùng tờ bản đồ số 6; tọa lạc ấp Ông Y, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo sơ đồ số: 232/CNHCT ngày 09/10/2019).

- Công nhận cho ông Trần Văn C được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 1.236m^2 (thuộc phần D, nhằm chiết một phần thửa 321) và diện tích 4.805m^2 (thuộc phần C, trong đó 384m^2 chiết từ thửa 321 và 4.421m^2 chiết từ thửa 277); cùng tờ bản đồ số 6; tọa lạc ấp Ông Y, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo sơ đồ số: 232/CNHCT ngày 09/10/2019).

- Buộc ông Trần Văn C có nghĩa vụ trả giá trị phần đất được chia cho bà Trần Thị G, bà Trần Thị K, ông Trần Văn Bé E, bà Trần Thị T, ông Trần Văn G1 mỗi người là 70.476.000đ (Bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn G1; ông Trần Văn G1 được quyền sử dụng diện tích đất thực đo là 3.004m^2 (thuộc phần A, nhằm chiết một phần thửa 321), tờ bản đồ số 6; đất tọa lạc: ấp Ông Y, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có tứ cận:

Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 321 có kích thước 73,05m + 9,45m;

Hướng Tây giáp Rạch có kích thước 56,16m.

Hướng Nam giáp Rạch có kích thước 55,08m.;

Hướng Bắc giáp thửa 276 có kích thước 40,85m + 3,62m);

(Có sơ đồ khu đất kèm theo sơ đồ số: 232/CNHCT ngày 09/10/2019).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/10/2022 ông Trần Văn C1 kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của các nguyên đơn. Công nhận cho ông 2 thửa đất thửa 277 diện tích 6.866m^2; loại đất lúa; thửa 321 diện tích 7.955m^2, loại đất ONT- CLN; cùng tờ bản đồ số 6; tọa lạc ấp Ông Y, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh sau khi trừ diện tích 3.004 m^2 của ông Trần Văn G1

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm anh Trần Văn P1 là con của ông Trần Văn G1 có đến cải tạo ao lại để nuôi tôm. Việc anh P1 cải tạo ao nuôi tôm ông Trần Văn C có bao chính quyền lập biên bản đình chỉ việc cải tạo ao nuôi tôm của anh P1 ngày 01/4/2023. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Văn C và anh Nguyễn Hồng P thống nhất để anh P1 được nuôi tôm đến ngày 01/01/2024 giao trả phần đất ông C được chia để ông sử dụng. Nếu bên ông P1 không giao trả lại đất thì ông C sẽ kiện vụ kiện khác để đòi lại tài sản được thừa kế.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn C1 không có cơ sở chấp nhận. Tờ di chúc được lập bằng văn bản vào ngày 13/12/2005, có dấu lăn tay của cụ Phạm Thị H1, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 16/12/2005. Xét thấy cụ H1 không biết chữ tờ di chúc không có người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 658 Bộ luật dân sự 2005 nên di chúc không hợp pháp nên di sản được chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc xem xét chia cho ông C1 được hưởng nhiều hơn các kỷ phần thừa kế khác là đảm bảo quyền lợi của ông C1. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp chia tài sản thừa kế và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng là đúng mối quan hệ pháp luật các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Trần Văn B1 và cụ bà Phạm Thị H1 có tất cả 08 người: Trần Văn N (chết 02/11/2019); Trần Thị G, Trần Văn G1, Trần Thị T, Trần Thị K, Trần Văn C, Trần Thị Bé E1, Trần Văn C1.

Đối với nguyên đơn Trần Văn N, sinh 1947 (chết 02/11/2019); những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho ông N gồm: bà Lê Thị L, anh Trần Văn K1, Trần Thị H, Trần Văn Q, Trần Thị N1, Trần Thị L1, Trần Văn B và chị Trần Thị Yến L2 từ chối nhận di sản thừa kế của ông cụ Trần Văn B1, Phạm Thị H1. Tòa án cấp sơ thẩm không phân chia thừa kế cho họ là đúng. Tuy nhiên khi còn sống ông N có yêu cầu chia thừa kế cho ông được hưởng. Sau khi ông N mất thì phát sinh kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N. Các người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của ông N không yêu cầu được hưởng di sản của cụ B1 và cụ H1 lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn người kế thừa quyền nghĩa vụ rút đơn yêu cầu của ông N để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn N mới đúng pháp luật.

[3] Quyết định của bản án không xác định hàng thừa kế gồm những ai; Di sản thừa kế là gì; Mỗi phần thừa kế được hưởng bao nhiêu. Trong phần đất ông C1 được chia có một phần đất mồ mã chôn cất cụ B1 và cụ H1, Tòa án cấp sơ thẩm không trừ diện tích đất là mộ ra mà đem chia thừa kế là không đúng. Tuy nhiên diện tích đất mộ nhỏ gắn liền không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của ông C1 và giao cho ông C1 quản lý trong coi thờ cúng cha mẹ cũng hợp lý nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về di sản thừa kế

Các nguyên đơn khai cụ B1, cụ H1 chết để lại thửa 277 diện tích 6.866m^2 và thửa 321 diện tích 7.955m^2, cùng tờ bản đồ số 6; tọa lạc ấp Ông Y, xã H, huyện C. Vào ngày 23/6/2011 cụ bà Phạm Thị H1 có bán cho con là ông Trần Văn G1 02 lần với diện tích thực đo là 3.004m^2 nằm 01 phần trong thửa 321. Diện tích đất thừa kế còn lại bằng 10.554m^2 hiện nay ông Trần Văn C1 đang quản lý sử dụng.

Ông C1 có đưa ra Tờ di chúc được lập bằng văn bản vào ngày 13/12/2005, có dấu lăn tay của cụ Phạm Thị H1, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 16/12/2005 cho ông được hưởng thửa 277 diện tích 6.866m^2 và thửa 321 diện tích 7.955m^2. Xét thấy cụ H1 không biết chữ tờ di chúc không có người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 658 Bộ luật dân sự 2005 nên di chúc không hợp pháp. Tòa án phân chia di sản thừa kế theo pháp luật là đúng điểm b khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự.

[5] Về phân chia di sản thừa kế

Diện tích đất thừa kế còn lại bằng 10.554m^2, ông C1 có công sức cải tạo giữ gìn đất Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông được hưởng 4.513 m^2 là đã bao gồm công sức giữ gìn tạo đất. Các đồng thừa kế khác mỗi người được chia một suất bằng 1.006,8m^2 là có cân nhắc đến quyền lợi của ông C1.

[6] Từ các chứng cứ phân tích trên yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn C1 không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Sau khi xét xử sơ thẩm anh Trần Văn P1 là con của ông Trần Văn G1 có đến cải tạo ao lại để nuôi tôm. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Văn C và anh Nguyễn Hồng P thống nhất để anh P1 được nuôi tôm đến ngày 01/01/2024 giao trả phần đất ông C được chia để ông C sử dụng. Việc đầu tư cải tạo lại ao nuôi tôm của ông P1 sau khi xét xử do có kháng cáo án chưa có hiệu lực anh P1 xin được nuôi tôm trong 02 năm để thu hồi vốn. Tuy nhiên bên nguyên đơn chỉ đồng ý cho ông P1 sử dụng đất đến ngày 01/01/2024 nên ghi nhận ý kiến của các nguyên đơn. Nếu bên ông P1 không giao trả lại đất thì ông C sẽ kiện vụ kiện khác để đòi lại tài sản được thừa kế.

[8] Ý kiến của kiểm sát viên phù hợp với các tình tiết chứng cứ của vụ án nên được chấp nhận.

[9] Về án phí yêu cầu kháng cáo của ông C1 không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 620 Điều 649, Điều 650 Điều 651, Điều 660 Bộ Luật dân sự,

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông Trần Văn C1.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 73/2022/DS-ST ngày 04/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Tuyên xử:

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Trần Văn B1 và cụ bà Phạm Thị H1 có tất cả 08 người: Trần Văn N, (chết 02/11/2019); Trần Thị G, Trần Văn G2, Trần Thị T, Trần Thị K, Trần Văn C, Trần Thị Bé E1, Trần Văn C1.

2. Chia cho ông Trần Văn C được hưởng diện tích 1.236m^2 loại đất CLN (thuộc phần D, nhằm chiết một phần thửa 321) có tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp đường bê tông dài 58,82m

- Hướng Tây Nam giáp phần còn lại thửa 321 (phần E) dài 50,44m

- Hướng Tây Bắc giáp phần còn lại thửa 321 dài 27,28m

- Hướng Đông Nam giáp rạch dài 23,72m

Và diện tích 4.805m^2 (thuộc phần C, trong đó 384m^2 loại đất CLN chiết từ thửa 321 và 4.421m^2 loại đất LUA chiết từ thửa 277); cùng tờ bản đồ số 6; tọa lạc ấp Ông Y, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp đường bê tông dài 63,64m

- Hướng Tây Nam giáp phần còn lại thửa 321, 277 (phần B) dài 75,96m

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 244 dài 68,45m; một đoạn 1,55m

- Hướng Đ giáp rạch đường bê tông dài 51,12 và phần còn lại thửa 321 dài 27,28m

(Có sơ đồ khu đất kèm theo sơ đồ số: 232/CNHCT ngày 09/10/2019).

- Buộc ông Trần Văn C có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Trần Thị G, bà Trần Thị K, ông Trần Văn Bé E, bà Trần Thị T, ông Trần Văn G1 mỗi người bằng 70.476.000đ (*Bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).*

3. Chia cho ông Trần Văn C1 được hưởng diện tích 1.481m^2 trên đất có căn nhà và cây trái hoa màu trên đất (thuộc phần E, nhằm chiết một phần thửa 321) và diện tích 3.032m^2 (thuộc phần B, trong đó 706m^2 chiết từ thửa 321 và 2.326m^2 chiết từ thửa 277); cùng tờ bản đồ số 6; tọa lạc ấp Ông Y, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo sơ đồ số: 232/CNHCT ngày 09/10/2019).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Về án phí phúc thẩm: ông Trần Văn C1 phải chịu 300.000 đ. Ông C1 đã nộp 300.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014068 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên cấn trừ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung